

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HC-ST

Ngày 10-6-2022

V/v “Khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong hoạt động
đầu tư xây dựng và quyết định áp
dụng biện pháp khắc phục hậu quả”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Hà;

Ông Võ Đức Thành.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/2021/TLST-HC ngày 10/5/2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HC ngày 18/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HC ngày 02/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HC ngày 01/4/2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 06/2022/TB-TA ngày 12/5/2022, giữa:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà N đường Quốc lộ X, khu phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hồ Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu dân cư T, tổ R, khu phố W, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 18/5/2021); có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà T, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B (theo Văn bản ủy quyền số 25/UQ-UBND ngày 05/7/2021); có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn N (gọi tắt là ông N) trình bày: Ông N nhận được Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N” và Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 10/9/2020. Tuy nhiên, ông N nhận thấy các quyết định trên vi phạm quy định của Luật Xử phạt vi phạm hành chính và chưa căn cứ vào tình hình thực tế, cụ thể:

Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B lập Biên bản về việc kiểm tra công trình xây dựng ngày 08/7/2020, nhưng đến ngày 23/7/2020 mới lập Biên bản vi phạm hành chính số 52/BB-VPHC là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; mặt khác, biên bản ghi có tên ông Nguyễn Thành T, ông Trần Hoàng T1 nhưng biên bản không có chữ ký của ông T, ông T1 là sai quy định.

Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B không giao cho ông N 01 bản Biên bản vi phạm hành chính số 52/BB-VPHC ngày 23/7/2020, không ghi lý do vì sao ông N không ký vào biên bản là sai quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính vì: *“Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản. Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt”*. Biên bản vi phạm hành chính được lập ngày 23/7/2020, nhưng đến ngày 21/8/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương mới ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong khi ông N không nhận được văn bản gia hạn thời hạn xử lý vi phạm hành chính là sai quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính, vì: *“Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản”*.

Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N là sai tình hình thực tế, vì: Quyết định buộc ông N tháo dỡ các công trình đã được cha mẹ của ông N là ông Phạm Văn N1 và bà Nguyễn Thị D xây dựng năm 2004, có sự xác nhận của nhiều người, trong đó có ông Trần Văn Nh là trưởng ban điều hành khu phố 2 tại Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/10/2020.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N” và Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ

ngày 26/8/2020 “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N” là sai quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản của ông N. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết hủy Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N” và Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

* *Người bị kiện:* Tại Văn bản số 2895/UBND-KT ngày 30/6/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ và có văn bản liên quan đến việc khiếu nại và tham gia quá trình xử lý, xử kiện của Tòa án (bút lục 28). Tại Văn bản số 6114/UBND-KT ngày 29/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ủy quyền cho bà Lê Thị Kim Liên, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương làm đại diện là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật Tổ tụng hành chính nên Tòa án không chấp nhận.

* *Tại Văn bản số 2838/UBND-NC ngày 27/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã B trình bày:* Đối với Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N”:

Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định tại Điều 69, Điều 70 và Điều 78 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản; phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc ủy quyền các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký các quyết định xử lý vi phạm hành chính; giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai”.

Về nội dung quyết định: Ngày 08/7/2020, Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân phường T tiến hành kiểm tra hiện trạng tại thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17, thuộc khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07903 ngày 25/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Phạm Văn N. Qua kiểm tra hiện trạng, ông N có xây dựng 03 công trình nhà gỗ và công trình nhà vệ sinh với tổng diện tích 482,6m², thời điểm xây dựng là tháng 10 năm 2019. Ngày 23/7/2020, Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B lập Biên bản vi phạm hành chính số 52/BB-VPHC đối với ông Phạm Văn N, theo đó: Xác định nội dung vi phạm là “tổ chức thi công xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt” (theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B “về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của phường T đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”) đối với 03 công trình nhà gỗ và công trình nhà vệ sinh với tổng diện tích 482,6m² theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Ngày 10/8/2020, Phòng Quản lý đô thị thị xã B có Tờ trình số 189/TTr-QLĐT đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã B xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn N. Ngày

17/8/2020, Ủy ban nhân dân thị xã B có Tờ trình số 134/TTr-UBND trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N. Ngày 21/8/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 là phù hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 và điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Đối với việc ông Phạm Văn N yêu cầu hủy Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông N:

Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định là đúng quy định tại Điều 69, Điều 70 và Điều 78 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ; Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký các quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Về nội dung quyết định: Ngày 08/7/2020, Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T tiến hành kiểm tra hiện trạng tại thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17, thuộc khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07903 ngày 25/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Phạm Văn N. Qua kiểm tra hiện trạng, ông N có xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị, cấp IV với diện tích 117,1m², thời điểm xây dựng là tháng 5 năm 2018. Ngày 23/7/2020, Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B lập Biên bản vi phạm hành chính số 52/BB-VPHC đối với ông Phạm Văn N, theo đó: Xác định nội dung vi phạm là tổ chức thi công xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt (theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B “về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của phường T đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”) đối với công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị, cấp IV với diện tích 117,1m² theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Ngày 10/8/2020, Phòng Quản lý đô thị thị xã B có Tờ trình số 190/TTr-QLĐT đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã B xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N. Lý do không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng “quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ”. Ngày 19/8/2020, Ủy ban nhân dân thị xã B có Tờ trình số 136/TTr-UBND trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N. Ngày 26/8/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N” là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 và điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị Định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ; Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây

dựng “quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ”. Việc ông N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N” và Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N” là không có cơ sở.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông Hồ Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N; người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã B có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Nguồn gốc đất của ông N là được vợ chồng ông Phạm Văn N1, bà Nguyễn Thị D tặng cho. Thời điểm ông N được tặng cho thì trên đất số 884, tờ bản đồ số 17 đã có căn nhà ở riêng lẻ (cấp IV) diện tích đo đạc thực tế 117,1m² và căn nhà gỗ 01 diện tích đo đạc thực tế 73,7m² do ông N1 xây dựng năm 2004, được những người làm chứng và chính quyền địa phương chứng thực trong đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/10/2020. Phòng quản lý đô thị thị xã B chưa xác minh, làm rõ các tài sản trên mà có tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã B có tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính và khắc phục hậu quả đối với 02 công trình trên do vi phạm Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B “về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của phường T đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, hủy toàn bộ Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 và hủy một phần Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến trình bày của người khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thủ tục: Tại Văn bản số 6114/UBND-KT ngày 29/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ủy quyền cho bà L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương làm đại diện tham gia tố tụng là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem là vắng mặt không có lý

do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã B có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại các Điều 157, 158 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, ông Phạm Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N” và Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương vì cho rằng: Các quyết định trên vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 58, khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Biên bản vi phạm hành chính số 52/BB-VPHC ngày 23/7/2020 có ghi tên ông Nguyễn Thành T, ông Trần Hoàng T1, nhưng không có chữ ký của ông T, ông T1 và không giao cho ông N 01 bản là sai quy định và quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính.

[4] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Phạm Văn N, cũng như việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường T đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, nhận thấy: Diện tích đất 7.645m² tại thửa đất số 440 và 884, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu phố x, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương mà ông N đang sử dụng có nguồn gốc của vợ chồng ông Phạm Văn N1, bà Nguyễn Thị D khai phá và được cha mẹ cho từ trước năm 1975 với diện tích khoảng 17.835m². Ngày 20/12/1999, gia đình ông N1 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01126 QSDĐ/QĐ-UB, gồm các thửa đất số: 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 457, 458, 459, 460, 461 tờ bản đồ số 17; các thửa đất số: 181, 182 tờ bản đồ 21 và các thửa đất số: 92, 124 tờ bản đồ 22 với mục đích sử dụng “Đất trồng cây lâu năm”. Đến năm 2004, vợ chồng ông N, bà D tiến hành xây dựng 01 căn nhà cấp 4 diện tích 118,8m² (ngang 5,5m x dài 21,6m) và 01 căn nhà gỗ diện tích 72,96m² (ngang 7,6m x dài 9,6m) trên các thửa đất số: 441, 442, 443, 444, 445, 446, 457, 458, 459, 460, 461 tờ bản đồ số 17 (nay là thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17) để sinh sống. Sau đó, ông Phạm Văn N1 tiến hành đổi giấy và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00383 ngày 17/3/2010 đối với thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17 (hợp từ các thửa số 441, 442, 443, 444, 445, 446, 457, 458, 459, 460, 461), mục đích sử dụng “Đất trồng cây lâu năm” và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00386 ngày 17/3/2010 đối với thửa đất số 440, tờ bản đồ 17, mục đích sử dụng “Đất trồng cây lâu năm” (bút lục 119-120). Ngày 05/10/2012, ông Phạm Văn N1 và bà Nguyễn Thị D đến Văn phòng Công chứng Sở Sao lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để tặng cho con là ông Phạm Văn N 02 thửa đất nêu trên và ông N đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07902 và số CH07903 ngày 25/10/2012 với mục đích sử dụng “Đất trồng cây lâu năm” (bút lục 133-140, 117-118). Đến ngày 02/3/2016 (tức gần 04 năm sau), Ủy ban nhân dân thị xã B mới ban hành Quyết định số 329/QĐ-UBND “về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường T đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (bút lục 67-76). Như vậy, căn nhà ở riêng lẻ (cấp IV) diện tích đo đạc thực tế 117,1m² và căn nhà gỗ 01 diện tích đo đạc thực tế 73,7m² trên thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17 là do vợ chồng ông N1, bà D xây dựng từ năm 2004, thời điểm xây dựng Ủy ban nhân dân thị xã B chưa có quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường T. Vấn đề này hoàn toàn phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2021 của Tòa án (bút

lục 100-102) và nội dung Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/10/2020 của ông Phạm Văn N1 và bà Nguyễn Thị D, được những người làm chứng gồm: Nguyễn Văn K, Trần Văn Tr, Lữ Văn T, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn H, Đào Văn Th, được Trưởng Ban điều hành khu phố 2 ông Trần Văn Nh và Ủy ban nhân dân phường T xác nhận ngày 09/10/2020 (bút lục 26-27).

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông N, nhận thấy: Sau khi ông N được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; khoảng tháng 10 năm 2019, ông N đã xây dựng hoàn thành thêm một số công trình trên đất. Đến ngày 08/7/2020 (gần 01 năm sau), Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B mới kết hợp với Ủy ban nhân dân phường T tiến hành kiểm tra công trình xây dựng do ông Phạm Văn N làm chủ đầu tư tại khu phố 2, phường T. Qua kiểm tra, Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B tiến hành lập “biên bản về việc kiểm tra công trình xây dựng”, xác định: Ông N xây dựng trên thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17 phường T, thị xã B các công trình vi phạm quy hoạch phân khu phường T, gồm: Công trình nhà cấp IV ngang 5,7m x dài 20,55m, tổng diện tích 117,135m², thời điểm xây dựng công trình khoảng tháng 5 năm 2018; công trình nhà gỗ 01 (cấp IV) ngang 7,6 x dài 9,7m, tổng diện tích 73,72m², thời điểm xây dựng công trình khoảng tháng 10 năm 2019; công trình nhà gỗ 02 (cấp IV) ngang 14,35m x dài 14,85m, tổng diện tích 213,1m², thời điểm xây dựng công trình khoảng tháng 10 năm 2019; công trình nhà gỗ 03 (cấp IV) ngang 9,03m x dài 31,9m, tổng diện tích 288,057m², thời điểm xây dựng công trình khoảng tháng 10 năm 2019; công trình nhà vệ sinh (cấp IV) ngang 5,9m và 7,25m x dài 13,35m, tổng diện tích 87,77m², thời điểm xây dựng công trình khoảng tháng 10 năm 2019; hiện trạng đất có cổng rào, cột bê tông, cốt thép, vách gạch; đồng thời, mời ông N đứng 14 giờ ngày 14/7/2020 đến Ủy ban nhân dân phường T để giải quyết. Tuy nhiên, hồ sơ do người bị kiện cung cấp không thể hiện biên bản giải quyết ngày 14/7/2020, đồng thời biên bản kiểm tra công trình xây dựng ghi thành phần tham gia có ông Trần Hoàng T1 - nhân viên Đội Quản lý trật tự đô thị và ông Nguyễn Thanh H- công chức địa chính - xây dựng, nhưng biên bản không có chữ ký của ông T1 và ông H (bút lục 51-54) là không phù hợp.

[6] Xét Biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng số 52/BB-VPHC ngày 23/7/2020 của Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B, nhận thấy: Sau khi lập biên bản về việc kiểm tra công trình xây dựng, hơn 14 ngày sau Đội Quản lý trật tự đô thị thị xã B mới tiếp tục đến khu phố 2, phường T lập biên bản vi phạm hành chính về hoạt động đầu tư xây dựng, xác định: Các công trình do ông Phạm Văn N xây dựng vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ do “chủ đầu tư tổ chức thi công xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã B về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường T đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 thì thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại phường T thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07903 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 25/10/2012 quy hoạch đất giao thông đường N11, đất cây xanh cảnh quan và đất cây xanh cách ly”, gồm: Công trình nhà ở riêng lẻ đô thị cấp IV diện tích 117,1m², xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 5 năm 2018; công trình nhà gỗ 01 (cấp IV) diện tích 73,7m², xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng khoảng tháng 10 năm 2019; công trình nhà gỗ 02 (cấp IV) diện tích 101,6m², xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng khoảng tháng 10 năm 2019; công trình nhà gỗ 03 (cấp IV) diện tích 219,6m², xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng khoảng tháng 10 năm 2019; công trình nhà vệ sinh (cấp IV)

diện tích 87,7m², xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng khoảng tháng 10 năm 2019. Biên bản trên xác định thành phần tham gia có ông Nguyễn Thành T, ông Trần Hoàng Tú là nhân viên Đội Quản lý trật tự đô thị và ông Phạm Văn N là chủ đầu tư, nhưng biên bản không có chữ ký của ông T1, ông T và ông N, vì cho rằng ông N không đồng ý ký tên vào biên bản (bút lục 44-49) là không phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 58 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính. Mặt khác, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2021 của Tòa án thì trên thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17, ngoài các công trình nêu trên, ông N còn xây dựng 01 hồ nước có chiều cao 65cm, sâu 1m16, có hình ô van gồm 02 cấp: Cấp thứ nhất rộng 4,8m x dài 7,7m; cấp thứ hai rộng 5,4m x dài 8,3m, được ông N xây dựng vào năm 2018, nhưng không thấy thể hiện trên biên bản vi phạm hành chính là không phù hợp.

[7] Xét trình tự, thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, nhận thấy: Ngày 10/8/2020, Phòng Quản lý đô thị thị xã B có Tờ trình số 189/TTr-QLĐT đề nghị “Ủy ban nhân dân thị xã B xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn N theo đúng quy định”; đồng thời, có Tờ trình số 190/TTr-QLĐT đề nghị Ủy ban nhân dân thị xã B xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N, bằng biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng không phù hợp quy hoạch diện tích 117,1m² và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (bút lục 39-43). Ngày 17/8/2020, Ủy ban nhân dân thị xã B có Tờ trình số 134/TTr-UBND đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ với số tiền 55.000.000 đồng, đồng thời buộc tháo dỡ công trình xây dựng không phù hợp quy hoạch với tổng diện tích 482,6m² (trong đó có căn nhà gỗ 01 diện tích đo đạc thực tế 73,7m² do ông N1 dựng năm 2004); ngày 19/8/2020, Ủy ban nhân dân thị xã B tiếp tục có Tờ trình số 136/TTr-UBND đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Phạm Văn N phải thực hiện tháo dỡ công trình xây dựng không phù hợp quy hoạch với diện tích 117,1m² (tức căn nhà cấp IV diện tích 117,1m² do ông N1 xây dựng năm 2004) theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ, lý do không ra quyết định xử phạt là hết thời hiệu theo quy định tại Điều 6 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính và điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 của Bộ Xây dựng “quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ” (bút lục 37-38).

[8] Xét quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, nhận thấy: Ngày 21/8/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N” với số tiền 55.000.000 đồng, đồng thời buộc tháo dỡ công trình xây dựng không phù hợp với quy hoạch với tổng diện tích 482,6m² (bút lục 14) là đúng thẩm quyền và còn trong thời hạn 30 ngày ra quyết định, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Tuy nhiên, theo đoạn 1 điểm b khoản 1 Điều 6 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính quy định “thời hiệu xử lý vi phạm hành chính” như sau: “Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm”; theo như đã nêu tại mục [4] thì công trình nhà gỗ 01 diện tích 73,7m² là do ông N1 xây dựng

và sử dụng từ năm 2004 cho đến nay nên thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xây dựng công trình này là đã hết; mặt khác, theo khoản 1 Điều 66 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính thì “thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản”, trường hợp cần gia hạn cũng không được quá 30 ngày, nhưng hồ sơ xử phạt không có văn bản yêu cầu ông N phải giải trình về các công trình đã xây dựng hoặc văn bản xin gia hạn thời gian xử phạt là có thiếu sót, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính.

[9] Đối với công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị (cấp IV) diện tích 117,1m² tại thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông N phải thực hiện tháo dỡ và không xử phạt vi phạm hành chính (bút lục 15) là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 66 của Luật Xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, theo như phân tích tại mục [4] thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xác định lý do tháo dỡ là “tổ chức thi công xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt” là không đúng với thực tế xây dựng. Vì căn nhà trên là do ông Phạm Văn N xây dựng và sử dụng từ năm 2004, thời điểm ông N1 xây dựng Ủy ban nhân dân thị xã B chưa có Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 “về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường T đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

[10] Từ những phân tích và lập luận trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Văn N đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền 700.000 đồng, người khởi kiện ông Phạm Văn N tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

[12] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông N được Tòa án chấp nhận một phần nên người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 3 Điều 60, các Điều 125, 130, 157, 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a và điểm b khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 21, Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 38, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 7, điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ “*về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản; phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở*”.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Văn N đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Hủy Quyết định số 2447/QĐ-KPHQ ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn N, địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương”.

Hủy một phần Quyết định số 2388/QĐ-XPVPHC ngày 21/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với ông Phạm Văn N, địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương” đối với biện pháp khắc phục hậu quả tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Quyết định về việc buộc ông Phạm Văn N thực hiện tháo dỡ công trình xây dựng không phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt với tổng diện tích 482,6m², tại thửa đất số 884, tờ bản đồ số 17, cụ thể là đối với phần buộc ông Phạm Văn N tháo dỡ công trình nhà gỗ 01 diện tích 73,7m² do ông Phạm Văn N dựng và sử dụng từ năm 2004.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 700.000 đồng, người khởi kiện ông Phạm Văn N tự nguyện chịu, ông N đã thực hiện xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phải chịu 300.000 đồng.

Ông Phạm Văn N không phải chịu, hoàn trả lại cho ông Phạm Văn N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054854 ngày 27/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Báo cho người khởi kiện biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Tòa HC, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Đắc Cường